

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày: 24 -01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Tâm
2. Bà Bùi Thị Kim Nga
3. Ông Trần Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2021/TLST-HS ngày 19/11/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trung K** - Sinh năm 1984 tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Khu T, phường A, thành phố H1, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ánh D và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ là Tạ Thị Thu TR (đã ly hôn) và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012. Năm 2017 bị cáo sống chung như vợ chồng với Vũ Thị Tuyết NH và có 01 con chung sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 13/7/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2020 (tại Bản án số 229/2021/HSST).

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù theo Quyết định thi hành án phạt tù số 438 ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Luật sư Nguyễn Văn N1 - Công ty Luật Đ thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bị hại:*

1. Ông Nguyễn Đăng P, sinh năm 1957; trú tại: Số nhà X đường TH, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1971; trú tại: Thôn Z, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Ông Tô Văn KH, sinh năm 1975; trú tại: Thôn Z, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Đình T1, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1966; trú tại: Đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1977; trú tại: Đường M, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1978; trú tại: Đường V, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2019, Nguyễn Trung K đến Tp. B, tỉnh Đắk Lắk thì K có gặp và làm quen với ông Nguyễn Đăng P sinh năm 1957, trú tại: Số nhà X đường TH, phường L, thành phố B; bà Lê Thị Thúy H sinh năm 1971, trú tại: Thôn Z, xã E, thành phố B và anh Tô Văn KH sinh năm 1975, trú tại: Thôn Z, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Mặc dù bản thân không có công việc ổn định, không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào nhưng K đã đưa ra thông tin gian dối giới thiệu bản thân công tác tại Văn phòng Chính phủ, phụ trách khu vực phía Nam, có nhiều mối quan hệ quen biết với các lãnh đạo cấp cao, có khả năng lo các thủ tục xin hoàn thuế, xin dự án, công trình xây dựng trên địa bàn các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa, Ninh Thuận, nhằm làm cho ông P, bà H và ông KH tin tưởng, giao tiền rồi chiếm đoạt. Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2019, bằng thủ đoạn trên, K đã thực hiện 02 vụ lừa đảo, chiếm đoạt tổng số tiền 2.796.000.000 đồng. Cụ thể:

Vụ thứ nhất, khoảng tháng 5 năm 2019, khi đến Tp. B, tỉnh Đắk Lắk qua các mối quan hệ xã giao, K gặp và làm quen với vợ chồng ông Vũ Đình T1, bà Đỗ Thị L1 cùng trú tại: Đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, K có một vài lần đến nhà ông T1, bà L1 chơi, tại đây K có gặp và quen biết anh Tô Văn KH là Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và cầu đường Á Châu, chuyên hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Khi gặp anh KH, K giới thiệu mình đang công tác tại Văn phòng Chính phủ, phụ trách khu vực phía Nam, giám sát an ninh kinh tế từ Đà Nẵng đến Cà Mau có nhiều mối quan hệ và có khả năng xin được dự án, công trình xây dựng tại các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa, Ninh Thuận nên anh KH tin tưởng và nhờ K giúp xin các công trình xây dựng lớn để làm.

Trong thời gian từ ngày 21/5/2019 đến ngày 02/8/2019, K đã nhiều lần yêu cầu anh KH chuyển tiền để lo xin công trình xây dựng, anh KH đã 17 lần chuyển tiền cho K bằng các hình thức đưa tiền mặt và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Trong đó có 04 lần anh K đưa tiền mặt cho K, cụ thể ngày 21/5/2019 anh KH đưa cho K số tiền 250.000.000 đồng tại khách sạn M; ngày 22/5/2019 anh KH đưa cho K số tiền 300.000.000 đồng tại đường H, phường L, Tp. B; ngày 31/5/2019 anh KH đưa cho K số tiền 68.000.000 đồng tại ngân hàng BIDV phòng giao dịch trên đường L, Tp. B và ngày 02/7/2019 anh KH đưa cho K số tiền 18.000.000 đồng tại đường G, Tp. B, tổng số tiền mặt anh KH đưa cho K là 636.000.000 đồng. Anh KH đã 12 lần chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng của K gồm số tài khoản 12110000268322 mở tại ngân hàng BIDV H, Hà Nội; số tài khoản 1303206127277 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hà Nội; số tài khoản 106867486718 mở tại ngân hàng Viettinbank chi nhánh Đ, Hà Nội và 01 lần K nhờ anh KH chuyển khoản vào số tài khoản 006704070017370 mở tại ngân hàng HD Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh của người tên Nguyễn Thanh L2. Tổng số tiền các lần anh KH chuyển qua tài khoản ngân hàng cho K là 1.526.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà anh KH đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho K là 2.162.000.000 đồng, trong số tiền này, có 566.000.000 đồng là tiền K vay anh KH và đã trả lại đủ. Số còn lại 1.596.000.000 đồng là tiền K nhận để lo công trình xây dựng cho anh KH. Sau khi nhận tiền, K không liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để xin công trình xây dựng cho anh KH như đã nói mà chiếm đoạt và sử dụng hết vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Như vậy, K đã chiếm đoạt của anh KH số tiền 1.596.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu đồng*).

Vụ thứ hai, khoảng tháng 6 năm 2019, K gặp và quen anh Huỳnh Văn H1 sinh năm 1977, là nhân viên ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đắk Lắk, qua nói chuyện, K giới thiệu với anh H1 là K công tác tại Văn phòng Chính phủ, phụ trách các công việc liên quan đến Thuế. Sau khi nói chuyện, anh H1 và K trao đổi số điện thoại với nhau.

Sau đó một thời gian cũng trong tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Đăng P là người mua bán cà phê nhân, có quen biết với anh H1, có nói chuyện với anh H1 về việc ông P có cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L (Công ty L) tại tỉnh Đồng Nai nợ tiền hàng đã lâu, ông P đòi nhiều lần nhưng Công ty L không có tiền trả nên đã thỏa thuận với ông P sẽ ủy quyền cho ông P đòi giúp số tiền hơn tám tỷ đồng từ Công ty Cổ phần Tập Đoàn I (Công ty I) chi nhánh Đắk Lắk có địa chỉ tại CN3, Cụm C, phường T, Tp.B, nếu đòi được số tiền hơn tám tỷ đồng mà Công ty I chi nhánh tại Đắk Lắk đang nợ Công ty L thì sẽ để ông P lấy để cản trừ nợ, ông P đồng ý và đã làm việc với Công ty I chi nhánh Đắk Lắk và được biết Công ty này đang làm thủ tục xin hoàn thuế để có tiền trả cho Công ty L. Vì vậy, ông P muốn tìm người có thể giúp đẩy nhanh tiến độ làm thủ tục hoàn thuế cho Công ty I nhằm nhanh chóng thu hồi được tiền nợ.

Sau khi nói chuyện thì anh H1 có giới thiệu và đưa cho ông P số điện thoại của K để ông P liên hệ hỏi thủ tục hoàn thuế. Sau khi hẹn gặp, ông P cùng bà Lê Thị Thúy H sinh năm 1971, trú tại: Thôn Z, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là người làm ăn chung với ông P, trong số tiền mà Công ty L nợ ông P có phần đóng góp của bà H, hai người đến gặp K, K giới thiệu mình đang công tác tại Văn phòng Chính phủ, phụ trách khu vực phía Nam nên ông P, bà H tin tưởng và đặt vấn đề nhờ K giúp liên hệ với Tổng cục Thuế xin làm thủ tục hoàn thuế cho Công ty I chi nhánh Đắk Lắk. K đồng ý và yêu cầu ông P, bà H chuyển cho K số tiền 1.200.000.000 đồng để làm chi phí xin hoàn thuế. Vì tin tưởng nên ông P và bà H đã 03 lần đưa tiền cho K để lo giúp công việc. Cụ thể, lần thứ nhất ngày 16/6/2019, ông P và bà H đến gặp K tại một quán cà phê trên đường G, Tp. B, tại đây ông P, bà H đã đưa cho K số tiền 500.000.000 đồng, trong đó của ông P 200.000.000 đồng và của bà H 300.000.000 đồng, K viết 01 giấy vay tiền với nội dung: “...có nhận của Lê Thị Thúy H số tiền 500.000.000 đồng, hẹn trong 20 ngày sẽ hoàn trả...”; lần thứ hai vào ngày 17/6/2019, ông P đến gặp K tại quán cà phê V trên đường D, Tp. B và đưa cho K số tiền 100.000.000 đồng, K viết cho ông P 01 giấy có nội dung: “...Nguyễn Trung K có nhận của Nguyễn Đăng P số tiền 100.000.000 đồng, hẹn trong 20 ngày sẽ hoàn trả...”; lần thứ ba vào ngày 25/6/2019, ông P và bà H đến gặp K tại khách sạn M và đưa cho K số tiền 600.000.000 đồng, K viết 01 giấy biên nhận có nội dung: “...Nguyễn Trung K có nhận của Nguyễn Đăng P 300.000.000 đồng và Lê Thị Thúy H 300.000.000 đồng, hẹn trong vòng 20 ngày sẽ trả lại...”. Sau khi nhận đủ số tiền 1.200.000.000 đồng của ông P, bà H thì K không liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để làm thủ tục xin hoàn thuế giúp ông P, bà H như đã nói mà chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân.

Như vậy, K đã chiếm đoạt tổng số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), trong đó chiếm đoạt của ông P số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và chiếm đoạt của bà H số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) của ông P, bà H và không lo xin được hoàn thuế như đã hứa hẹn thì K bị ông P, bà H nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu K trả lại tiền và K đã chuyển khoản trả lại 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), trong đó trả lại cho ông P 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và trả lại cho bà H 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Sau khi trả được 700.000.000 đồng cho ông P, bà H thì ngày 02/12/2019, K đã liên hệ nhờ anh Nguyễn Quốc D sinh năm 1978, trú tại thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến nhà ông P tại đường T3, Tp. B để lấy lại 02 tờ giấy nhận tiền mà K đã viết cho ông P, bà H ngày 17/6/2019 và ngày 25/6/2019. Sau đó K nhờ anh D gửi bưu điện ra Hà Nội cho K.

Tại kết luận giám định số 250/PC09 ngày 03/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn

Trung K trong tài liệu cần giám định so với mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Trung K ở các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Bản Cáo trạng số: 111/CT-VKS-P3 ngày 17/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Trung K đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K mức án từ 15 đến 16 năm tù. Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 16 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 229/2021/HSST ngày 13/7/2021 buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải bồi thường cho anh Tô Văn KH số tiền 1.596.000.000 đồng, bà Lê Thị Thúy H số tiền 300.000.000 đồng và ông Nguyễn Đăng P số tiền 200.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy,

có đủ căn cứ để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật và mục đích tư lợi cá nhân, mặc dù không có nghề nghiệp ổn định nhưng Nguyễn Trung K đã đưa ra thông tin gian dối là đang công tác tại Văn phòng chính phủ, phụ trách khu vực phía Nam có khả năng xin làm thủ tục hoàn thuế, xin công trình xây dựng tại các dự án trên địa bàn các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa, Ninh Thuận nhằm làm cho ông Tô Văn KH, ông Nguyễn Đăng P và bà Lê Thị Thúy H tin tưởng để giao tiền cho K rồi chiếm đoạt. Trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 8/2019 K đã chiếm đoạt tổng số tiền là 2.796.000.000 đồng, cụ thể: K chiếm đoạt của ông Tô Văn KH số tiền 1.596.000.000 đồng, chiếm đoạt của Nguyễn Đăng P số tiền 600.000.000 đồng và bà Lê Thị Thúy H số tiền 600.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Trung K đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”.

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn xâm hại trực tiếp đến trật tự xã hội, gây mất niềm tin trong quần chúng nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra và cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo và cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với số tiền 1.200.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Đăng P, bà Lê Thị Thúy H thì bị cáo đã trả lại cho ông P số tiền 400.000.000 đồng và trả cho bà H số tiền 300.000.000 đồng; đây là tình tiết tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và được bị hại Nguyễn Đăng P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Cụ thể:

- Bị cáo phải bồi thường cho ông Tô Văn KH số tiền 1.596.000.000 đồng.
- Đối với số tiền 600.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Đăng P thì bị cáo đã trả lại cho ông P số tiền 400.000.000 đồng; bị cáo còn phải bồi thường cho ông P số tiền 200.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 600.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của bà Lê Thị Thúy H thì bị cáo đã trả lại cho bà H số tiền 300.000.000 đồng; bị cáo còn phải bồi thường cho bà H số tiền 300.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; cụ thể: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường 2.096.000.000 đồng là: $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (2.096.000.000\text{đ} - 2.000.000.000\text{đ}) = 73.920.000 \text{ đồng}$.

[7]. Đối với ông Vũ Đình T1 sinh năm 1963, trú tại: Đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ông T1 gặp và quen biết với K trong một vài lần tham dự các bữa tiệc tại Tp. B, do là đồng hương quê Hải Dương và nghe K giới thiệu K công tác tại Văn phòng Chính phủ nên ông T1 và K có mối quan hệ quen biết, ngoài ra không có quan hệ thân thích, không bàn bạc, thỏa thuận giao dịch với nhau. Khi K tìm đến nhà ông T1 chơi thì gặp bà Đỗ Thị L1 sinh năm 1966 là vợ ông T1. Sau đó thông qua ông T1 thì K gặp và làm quen với anh Tô Văn KH, việc K lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh KH thì ông T1 và bà L1 không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý đối với ông T1 và bà L1 là có căn cứ.

Đối với anh Huỳnh Văn H1 sinh năm 1977, trú tại: Đường M, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, anh H1 tình cờ gặp K tại một quán Karaoke trên địa bàn Tp. B, được K giới thiệu K làm việc tại Văn phòng Chính phủ nên anh H1 và K có mối quan hệ quen biết và trao đổi số điện thoại với nhau. Việc anh H1

cho ông P số điện thoại của K để hỏi thủ tục xin hoàn thuế là do anh H1 tin tưởng K và ông P nhờ tìm hỏi, ngoài ra anh H1 không biết việc K lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông P, bà H, không tham gia bàn bạc, hưởng lợi gì từ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của K. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý đối với anh H1 là có căn cứ

Đối với Nguyễn Thanh L2, chưa xác định được nhân thân, lai lịch, K khai L2 trú tại Tp. Hồ Chí Minh, không biết rõ tuổi, địa chỉ, công việc, là bạn quen biết ngoài xã hội K, K có vay tiền của L2 nên khi L2 đòi tiền thì K đã vay anh KH để trả cho L2. Khi anh KH đồng ý cho K vay tiền thì K nhờ anh KH chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của L2 để trả nợ. Số tiền vay này K đã trả lại cho anh KH và anh KH cũng xác nhận việc này là đúng. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý đối với L2 là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Quốc D sinh năm 1978, trú tại thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, anh D là tài xế lái xe Taxi, khi K đến Tp. B, tỉnh Đắk Lắk thì có một vài lần đi Taxi của anh D nên đã làm quen, lấy số điện thoại của anh D để tiện liên hệ đi Taxi khi cần. Việc anh D đến nhà ông P lấy 02 tờ giấy nhận tiền là do K nhờ anh D giúp, ngoài ra anh D không biết K làm việc gì, không có mối quan hệ gì với K, không tham gia, giúp sức cho K. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý đối với anh D là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung K 15 (Mười lăm) năm tù.

- Áp dụng Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 16 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 229/2021/HSST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Nguyễn Trung K, buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 (Ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2020.

[2]. **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải bồi thường cho ông Tô Văn KH số tiền 1.596.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đăng P số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và bồi thường cho bà Lê Thị Thúy H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3]. **Về Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 73.920.000 đồng (Bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục T.H.A.DS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm